

Bản án số: 76/2025/HS-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Bách.

Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Minh Long;

Bà Nguyễn Thị Thanh;

Bà Huỳnh Thị Quỳnh Anh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghiêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Xuân Hiệu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87A/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

HỒ THỊ THÙY N, sinh năm: 1991 tại tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là thành phố Huế); Giới tính: Nữ.

Nơi cư trú: Thôn H2, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Nay là: Thôn H2, xã N, tỉnh Khánh Hòa)

Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông: Hồ Ngọc T và bà Nguyễn Thị L; Chồng là: Phạm Quang T3 và 01 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Tạm giữ: Không; Tạm giam: từ ngày 29/5/2024. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Bình Ph, thuộc Văn phòng Luật sư Duy Phước, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: Khu Y, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (Nay là: Khu Y, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa).

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Hoàng Thị Lệ N2, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Thôn V2, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn V2, xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Thôn P1, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn P1, xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Có mặt tại phiên tòa.

3. Chị Đỗ Thị Ngọc L, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Thôn V1, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn V1, xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Có mặt tại phiên tòa.

4. Chị Võ Thị Tuyết T, sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Khu phố Z, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là Khu phố Z, xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Có mặt tại phiên tòa.

5. Anh Đoàn Đức Anh K1, sinh năm: 1990.

Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn H, xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Có mặt tại phiên tòa.

6. Anh Trần Lê Việt K, sinh năm: 1988.

Nơi cư trú: Thôn V1, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn V1, xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Có mặt tại phiên tòa.

7. Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm: 1990

Nơi cư trú: đường D, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là đường D, xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Kiều Xuân T2, sinh năm: 1991.

Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn L, xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Quang T3, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Thôn H2, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn H2, xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Có mặt tại phiên tòa.

1. Chị Lê Thị H2, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: đường H, khu phố X, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là đường H, khu phố X, xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Phạm Duy S, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Thôn V1, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn V1, xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị Nguyễn Thị Cẩm N1, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Thôn P2, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn P2, xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Có mặt tại phiên tòa.

4. Chị Nguyễn Thị Minh C2, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Thôn P1, xã V, huyện P, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn P1, xã H, tỉnh Khánh Hòa).

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Thị Thùy N là người không có nghề nghiệp ổn định.

Vào khoảng năm 2016, N liên hệ với Trung tâm dạy lái xe X để mua hồ sơ đăng ký học bằng lái xe ô tô hạng B2, C... Sau đó bán lại cho các học viên có nhu cầu trên địa bàn huyện N để hưởng chênh lệch.

Đến năm 2019, N chuyển sang đầu tư thêm vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian này thị trường bất động sản bắt đầu đóng băng. Tiền N đầu tư mua đất để chờ giá lên bán lại kiếm lời chủ yếu là đi vay của

nhiều người, có thỏa thuận chia lợi nhuận. Do đất không bán được nhưng hàng tháng N vẫn phải trả khoản nợ đã huy động vốn trước đó.

Đến khoảng đầu năm 2021, N đã mất khả năng tài chính để thanh toán các khoản nợ, hàng tháng phải trả các khoản nợ gốc, lãi vay khoảng 200 triệu đồng, năm 2022 là khoảng 600 - 800 triệu đồng. Năm 2023 có thời điểm là khoảng 01 tỷ đồng cho mỗi tháng.

Do áp lực phải trả nợ, N nảy sinh ý định sử dụng nhiều thủ đoạn gian dối để huy động vốn của nhiều người như: tự giới thiệu mình là cổ đông của Trung tâm dạy lái xe X đang cần tiền góp vốn vào các dự án của Trung tâm; N đứng ra nhận tiền góp vốn để làm đáo hạn ngân hàng cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu; Thành lập Công ty chuyên phát nhanh Z. Trong đó, mục đích chính là N huy động vốn của nhiều người để sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngoài ra, N còn đưa ra nhiều thông tin gian dối không có thật như: Huy động vốn của nhiều người có chia lợi nhuận để triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh, mua bán vật liệu xây dựng, thỏa thuận trả lãi cao. Khi nhận được tiền N trả nợ gốc, lãi cho những người vay và tiêu xài cá nhân hết.

Bằng nhiều thủ đoạn gian dối khác nhau, từ năm 2021 đến năm 2023, N thực hiện các lần chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt tiền thông qua việc huy động vốn đầu tư vào Trung tâm dạy lái xe X:

Trong thời gian từ đầu năm 2021 đến tháng 07/2023, xuất phát từ việc nhận bán hồ sơ học giấy phép lái xe ô tô, để tạo thêm niềm tin, N soạn thảo một hợp đồng giả thể hiện nội dung N là cổ đông và đã tham gia góp vốn với Trung tâm dạy lái xe X, số tiền lên đến 09 tỷ đồng (thực tế N không phải là cổ đông của Trung tâm dạy lái xe X). Sau đó chụp hình bản hợp đồng và gửi qua điện thoại cho những người cần huy động vốn xem. Bên cạnh đó, N đưa ra mức lợi nhuận cao (từ 6-9%/số tiền đã giao/01 tháng), thời gian đầu N thanh toán tiền lãi, gốc theo thỏa thuận (lấy tiền người sau trả cho người trước). Từ đó, những người tham gia góp vốn nghĩ rằng N là cổ đông của Trung tâm dạy lái X nên đã tin và giao số tiền ngày càng tăng cao rồi bị chiếm đoạt, cụ thể:

1.1 Trường hợp chị Hoàng Thị Lệ N2.

Trong thời gian đầu năm 2023, N đặt vấn đề với N2 về việc huy động tiền, góp vốn vào Trung tâm dạy lái xe X, cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 10%/100.000.000đ/01 tháng. Tin vào lời N, chị N2 đồng ý tham gia, sau đó đã nhiều lần giao, nhận tiền với N dưới nhiều hình thức khác nhau như chuyển khoản và giao tiền mặt. N2 sử dụng số tài khoản số 106872823585 (tại ngân hàng V) và số 4095205218992 (tại Ngân hàng A); N sử dụng số tài khoản 0811000019273 (tại Ngân hàng V1) và số 4905961039445 (tại Ngân hàng A). Theo đối chiếu sao kê ngân

hàng, N2 chuyển cho N ngày 20/01/2023 số tiền 4.100.000.000đ, ngày 31/01/2023 số tiền 50.000.000đ. N dùng chính số tiền này chuyển trả lại cho N2 từ ngày 20/01/2023 đến tháng 10/03/2023 là 1.107.700.000đ, đến nay N không thanh toán, chiếm đoạt của chị N2 số tiền là 3.042.300.000đ. Tuy nhiên, theo chị N2 cho rằng N chiếm đoạt ở khoản tiền này là 3.000.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

1.2 Trường hợp chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Trong thời gian tháng 06/2021, N đặt vấn đề với H về việc huy động tiền, góp vốn vào Trung tâm dạy lái xe X, cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 2,3-3%/số tiền giao/01 tháng. Tin vào lời N, chị H đồng ý tham gia. Sau đó đã nhiều lần giao, nhận tiền với N thông qua chuyển khoản, H sử dụng số tài khoản từ số 102873727905 (tại ngân hàng V) và số 4905205014695 (tại Ngân hàng A); N sử dụng số tài khoản số 0811000019273 và số 4905961039445. Theo đối chiếu sao kê ngân hàng từ ngày 15/06/2021 đến ngày 19/05/2022, H chuyển cho N tổng cộng số tiền 10.005.120.000đ. N dùng chính số tiền này chuyển trả lại cho H từ ngày 24/09/2021 đến tháng 20/07/2022 là 7.534.650.000đ, đến nay N không thanh toán, chiếm đoạt của chị H số tiền là 2.470.070.000đ. Tuy nhiên, theo chị H cho rằng N chiếm đoạt ở khoản tiền này là 2.450.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

1.3 Trường hợp chị Đỗ Thị Ngọc L.

Vào tháng 05/2021, N đặt vấn đề với L về việc huy động tiền, góp vốn vào Trung tâm dạy lái xe X, cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 2,5-3%/số tiền giao/01 tháng. Tin vào lời N, chị L đồng ý tham gia và nhiều lần giao, nhận tiền với N thông qua hình thức chuyển khoản. L sử dụng số tài khoản 0811000043710 (tại ngân hàng V1), N sử dụng số tài khoản số 4905961039445. Theo đối chiếu sao kê ngân hàng từ ngày 25/05/2021 đến ngày 11/07/2022, L chuyển cho N tổng cộng số tiền 1.248.860.000đ. N dùng chính số tiền này chuyển trả lại cho L từ ngày 03/07/2021 đến ngày 20/12/2021 là 349.825.000đ, đến nay N không thanh toán, chiếm đoạt của chị H với số tiền là 899.035.000đ.

1.4 Trường hợp anh Đoàn Đức Anh K1.

Vào tháng 7/2023 (không rõ ngày), N đề nghị K1 góp vốn số tiền 100.000.000đ đầu tư vào Trung tâm dạy lái xe X, cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 3%/100.000.000đ/01 tháng. Tin vào lời N, Anh K1 đồng ý tham gia và giao số tiền mặt 100.000.000đ tại nhà Anh K1, sau đó hai bên thoả thuận chuyển số tiền này đầu tư vào Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Z. Tuy nhiên, đến nay N không thanh toán, chiếm đoạt của Anh K1 với số tiền trên.

Xác định: Tổng số tiền chiếm đoạt của 03 bị hại tham gia góp vốn vào Trung tâm dạy lái xe X là 6.511.405.000đ (Sáu tỷ năm trăm mười một triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng chẵn).

2. Chiếm đoạt tiền thông qua huy động vốn để làm đảo lộn ngân

Trong năm 2023, N đưa ra nhiều thông tin gian dối không có thật, đặt vấn đề huy động tiền của nhiều người để làm đảo lộn ngân hàng cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu với cam kết lợi nhuận cao (từ 3,5-10%/100.000.000đ/1 tháng hoặc từ 1.500-2.500đ/1.000.000đ/1 ngày), kể từ sau khi góp vốn. Sau khi nhận được tiền N tìm cách chiếm đoạt, cụ thể:

2.1 Trường hợp chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Trong năm 2023, N đặt vấn đề với H về việc huy động tiền, góp vốn làm đảo lộn ngân hàng cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đảo lộn, cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 1.500-2.500đ/1.000.000đ/01 ngày. Tin vào lời N, chị H đồng ý tham gia, sau đó đã nhiều lần giao, nhận tiền với N dưới hình thức chuyển khoản. H sử dụng số tài khoản số 102873727905 và số 4905205014695, N sử dụng số tài khoản số 0811000019273 và số 4905961039445. Theo đối chiếu sao kê ngân hàng từ ngày 30/06/2023 đến ngày 19/07/2023, H chuyển cho N tổng cộng 14.042.499.993đ. Sau đó, N dùng chính số tiền này chuyển trả lại cho H từ ngày 30/06/2023 đến ngày 26/07/2023 là 13.302.457.994đ, đến nay N không thanh toán, chiếm đoạt của chị H số tiền là 740.041.999đ. Tuy nhiên, theo chị H cho rằng N chiếm đoạt ở khoản tiền này là 450.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

2.2 Trường hợp chị Hoàng Thị Lệ N2.

Trong thời gian năm 2023, N đặt vấn đề với N2 về việc huy động tiền, góp vốn làm đảo lộn ngân hàng, cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 10%/100.000.000đ/01 tháng. Tin vào lời N, chị N2 đồng ý tham gia, sau đó đã nhiều lần giao, nhận tiền với N dưới nhiều hình thức khác nhau như chuyển khoản và giao tiền mặt. N2 sử dụng số tài khoản từ số 106872823585 và số 4095205218992. N sử dụng số tài khoản số 0811000019273 và số 4905961039445. Theo đối chiếu giao nhận tiền từ ngày 26/04/2023 đến ngày 26/07/2023, N2 chuyển số tiền 11.615.999.990đ. Sau đó N dùng chính số tiền này chuyển trả lại cho N2 từ ngày 26/04/2023 đến ngày 24/07/2023 là 8.145.699.999đ. Đến nay N không thanh toán, chiếm đoạt của chị N2 số tiền là 3.470.299.991đ. Tuy nhiên, theo chị N2 cho rằng N chiếm đoạt ở khoản tiền này là 2.000.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

2.3 Trường hợp chị Võ Thị Tuyết T.

Trong năm 2023, N đặt vấn đề với T về việc huy động tiền, góp vốn làm đảo lộn ngân hàng, cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 2.000đ/1.000.000đ/01 ngày. Tin vào lời N, chị T đồng ý tham gia, sau đó đã nhiều lần giao, nhận tiền với N, T sử dụng số tài khoản 1022399398 (tại ngân hàng V1), N sử dụng số tài khoản số 0811000019273. Qua đối chiếu, trong thời gian từ ngày 18/07/2023 đến ngày

21/07/2023, T chuyển cho N số tiền 130.000.000đ. Tuy nhiên, theo chị T cho rằng N chiếm đoạt ở khoản tiền này là 193.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

2.4 Trường hợp chị Trần Thị Thanh T1.

Trong tháng 7/2023, N đặt vấn đề với chị T1 góp vốn làm đảo hạn ngân hàng, cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 3,5%/100.000.000đ/01 tháng. Tin vào lời N, chị T1 đồng ý tham gia, sau đó đã nhiều lần giao, nhận tiền với N thông qua chuyển khoản. T1 sử dụng 03 số tài khoản gồm: số 0811000019385 (tại ngân hàng V1); số 4905555868555 (tại ngân hàng A); số 106800313190 (tại ngân hàng Viettinbank); N sử dụng số tài khoản số 0811000019273. Theo đối chiếu chuyển khoản ngày 07/07/2023 đến ngày 27/07/2023, T1 chuyển cho N số tiền 1.389.000.000đ. Sau đó, N dùng chính số tiền này chuyển trả lại cho T1 ngày 27/07/2023 là 150.000.000đ (chuyển qua tài khoản số 06800313190 của T1). Đến nay, N không thanh toán, chiếm đoạt của chị T1 số tiền là 1.239.000.000đ. Tuy nhiên, theo chị T1 cho rằng N chiếm đoạt ở khoản tiền này là 1.200.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

Xác định: Tổng số tiền N chiếm đoạt của 04 bị hại thông qua hình thức góp vốn làm đảo hạn ngân hàng là 5.579.341.981đ (Năm tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu ba trăm bốn một ngàn chín trăm tám một đồng).

3. Chiếm đoạt tiền thông qua việc huy động vốn đầu tư vào các dự án làm đường, kinh doanh vật liệu xây dựng...

Trong tháng 01/2022 đến tháng 8/2023, N đưa ra nhiều thông tin gian dối không có thật, giới thiệu với một số người trên địa bàn huyện N là mình có quen biết với một số nhà thầu làm các dự án như: Tuyến đường nối giữa huyện N đi Đức Trọng, Lâm Đồng; tuyến đường Phan Đăng Lưu đang triển khai trên địa bàn tỉnh, cũng như N đang buôn bán vật liệu xây dựng hiện đang cần tiền để thi công nên có nhu cầu huy động vốn từ bên ngoài với thỏa thuận lợi nhuận từ 6%-9%/100.000.000đ/1 tháng, trong vòng 3-6 tháng. Tin vào lý do N đưa ra, một số cá nhân đã đồng ý tham gia đưa tiền cho N để đầu tư. Thời gian đầu N trả gốc, lời đúng thỏa thuận để tạo lòng tin, sau đó tìm cách chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể:

3.1 Trường hợp chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Trong thời gian từ tháng 06/2022 đến tháng 07/2023, N đặt vấn đề với H về việc huy động tiền, góp vốn để đầu tư vào dự án xây dựng sân sạt hạch lái xe tại Cam Ranh, Khánh Hòa và làm tuyến đường vành đai triển khai trên địa bàn tỉnh với cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 3-4%/số tiền giao/01 tháng. Tin vào lời N, chị H đồng ý tham gia, sau đó đã nhiều lần giao, nhận tiền với N thông qua chuyển khoản, H sử dụng số tài khoản số 102873727905 và số 4905205014695; N sử dụng số tài khoản số 0811000019273 và số 4905961039445. Theo đối chiếu chuyển khoản từ

ngày 02/06/2022 đến ngày 29/06/2023, H chuyển cho N tổng cộng 65.986.511.300đ. Sau đó, N dùng chính số tiền này chuyển trả lại cho H từ ngày 24/07/2022 đến ngày 01/07/2023 là 64.879.375.000đ. Đến nay N không thanh toán, chiếm đoạt của chị H số tiền là 1.107.136.300đ. Tuy nhiên, theo chị H cho rằng N chiếm đoạt ở khoản tiền này là 1.100.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

3.2 Trường hợp chị Hoàng Thị Lệ N2.

Trong thời gian từ tháng 07/2023 đến tháng 12/2023, N đặt vấn đề với N2 về việc huy động tiền, góp vốn để đầu tư vào dự án xây dựng sân sát hạch lái xe tại Cam Ranh và làm đường vành đai triển khai trên địa bàn tỉnh, cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 8%/100.000.000đ/01 tháng. Tin vào lời N, chị N2 đồng ý tham gia, sau đó đã nhiều lần giao, nhận tiền với N dưới nhiều hình thức khác nhau (chuyển khoản, giao tiền mặt). N2 sử dụng số tài khoản 106872823585 và số tài khoản 4095205218992. N sử dụng số tài khoản 0811000019273 và số 4905961039445. Theo đối chiếu chuyển khoản ngày 26/07/2023 đến ngày 03/12/2023, N2 chuyển số tiền 5.209.649.998đ. Sau đó, N dùng chính số tiền này chuyển trả lại cho N2 từ ngày 08/02/2023 đến ngày 30/10/2023 là 2.501.191.714đ. Đến nay, N không thanh toán, chiếm đoạt của chị N2 với số tiền là 2.708.458.284đ. Tuy nhiên, theo chị N2 cho rằng N chiếm đoạt ở khoản tiền này là 2.500.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

3.3 Trường hợp chị Đỗ Thị Ngọc L.

Vào đầu năm 2021, N đặt vấn đề với L về việc huy động tiền, góp vốn vì N có quen biết với một số nhà thầu làm các dự án đang triển khai trên địa bàn tỉnh, cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 6-9%/số tiền giao/01 tháng. Tin vào lời N, chị L đồng ý tham gia và nhiều lần giao, nhận tiền với N thông qua hình thức chuyển khoản. L sử dụng số tài khoản 0811000043710; N sử dụng số tài khoản số 4905961039445. Theo đối chiếu chuyển khoản từ ngày 19/01/2021 đến ngày 16/06/2023, L chuyển cho N tổng cộng 4.990.000.000đ. Sau đó, N dùng chính số tiền này chuyển trả lại cho L là 4.688.290.000đ, đến nay N không thanh toán, chiếm đoạt của chị L với số tiền là 301.710.000đ. Tuy nhiên, theo chị L cho rằng N chiếm đoạt ở khoản tiền này là 300.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

Xác định: Tổng số tiền mà N chiếm đoạt của 03 bị hại thông qua hình thức góp vốn làm dự án, kinh doanh vật liệu xây dựng là 4.117.304.584đ (Bốn tỷ một trăm mười bảy triệu ba trăm lẻ tư ngàn năm trăm tám mươi tư đồng).

4. Chiếm đoạt tiền thông qua việc huy động vốn đầu tư vào Công ty chuyển phát nhanh Z do N làm Giám đốc:

Tháng 4/2022, do cần tiền trả các khoản nợ, thuận tiện cho việc huy động vốn và giảm áp lực từ những chủ nợ, N đã thành lập Công ty TNHH chuyển phát nhanh Z (gọi tắt là Công ty Z) có trụ sở đóng tại Quốc lộ Z thuộc thôn V, xã S, huyện N, do N

làm Giám đốc, với mục đích chuyển đổi các khoản tiền N còn nợ của một số người từ bên ngoài vào Công ty, thông qua hình thức hoán đổi số nợ sang số cổ phần và trở thành cổ đông của Công ty Z, một số trường hợp sau khi thành lập Công ty thì N mới kêu gọi góp vốn... Cam kết lợi nhuận cao (từ 3,5-10%/100.000.000đ/1 tháng hoặc từ 1.500-2.500đ/1.000.000đ/1 ngày). Sau đó, N dùng chính số tiền nói trên để chi trả các khoản nợ trước đó, cũng như trả tiền gốc, lãi cho chính những người tham gia góp vốn, đồng thời chiếm đoạt tiền của các cá nhân, cụ thể:

4.1 Trường hợp chị Hoàng Thị Lệ N2.

Trong thời gian từ tháng 11/2023 đến tháng 4/2023, N tự giới thiệu có mở Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Z kinh doanh lĩnh vực chuyển phát bưu phẩm có địa chỉ tại Quốc lộ 27, thôn V1, xã S, do N làm Giám đốc, đồng thời N kêu gọi N2 tham gia góp vốn làm cổ đông của Công ty Z, cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 10%/100.000.000đ/01 tháng. Tin vào lời N, chị N2 đồng ý tham gia. Sau đó đã nhiều lần giao, nhận tiền với N dưới nhiều hình thức khác nhau (chuyển khoản, giao tiền mặt). N2 sử dụng số tài khoản từ số 106872823585 và số 4095205218992; N sử dụng số tài khoản số 0811000019273 và số 4905961039445. Theo đối chiếu chuyển khoản ngày 02/11/2023 đến ngày 25/04/2023, N2 chuyển số tiền 9.947.299.998đ. Sau đó, N dùng chính số tiền này chuyển trả lại cho N2 là 3.777.699.998đ. Đến nay N không thanh toán, chiếm đoạt của chị N2 số tiền là 6.169.600.000đ. Tuy nhiên, theo chị N2 cho rằng N chiếm đoạt ở khoản tiền này là 6.000.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

Sau khi không có tiền trả nợ thì giữa N và N2 ký 01 hợp đồng thỏa thuận, N đã chuyển giao lại Công ty Z cho N2 mục đích cản trừ các khoản N còn nợ N2 và thanh lý Công ty Z. Thực tế Công ty không còn hoạt động.

4.2 Trường hợp chị Đỗ Thị Ngọc L.

Tháng 5/2023, N nói có mở Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Z kinh doanh lĩnh vực chuyển phát bưu phẩm có địa chỉ tại Quốc lộ 27, thôn V1, xã S do N làm Giám đốc có 03 chi nhánh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và đề nghị L chuyển số tiền đầu tư chung trước đây tại Trung tâm X và các dự án khác được chuyển đổi sang hình thức góp vốn đầu tư vào Công ty Z với cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 2,5-3%/số tiền giao/01 tháng. Tin vào lời N, chị L đồng ý tham gia và nhiều lần giao, nhận tiền với N thông qua hình thức chuyển khoản. L sử dụng số tài khoản 0811000043710, N sử dụng số tài khoản số 4905961039445. Theo đối chiếu chuyển khoản từ ngày 28/12/2021 đến ngày 10/07/2023, L chuyển cho N tổng cộng số tiền 1.690.000.000đ. Sau đó, N dùng chính số tiền này chuyển trả lại cho L là 1.490.330.000đ. Đến nay N không thanh toán, chiếm đoạt của chị H với số tiền là

199.670.000đ. Tuy nhiên, theo chị L cho rằng N chiếm đoạt ở khoản tiền này là 200.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

4.3 Trường hợp anh Trần Lê Việt K

Tháng 06/2022, N tự giới thiệu là chủ của Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Z kinh doanh lĩnh vực chuyển phát bưu phẩm do N làm Giám đốc có 03 chi nhánh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và đề nghị K chuyển tiền để hợp tác kinh doanh. Sau đó sẽ lập hợp đồng đầu tư góp vốn kinh doanh giữa N và K, cam kết sẽ chia lợi nhuận với tỉ lệ là 5%/100.000.000đ/01 tháng. Tin vào lời N, anh K đồng ý tham gia. Sau nhiều lần giao, nhận tiền với N dưới nhiều hình thức khác nhau (chuyển khoản, giao tiền mặt), K sử dụng số tài khoản số 4905205218992 (tại Ngân hàng A); N sử dụng số tài khoản số 0811000019273. Theo đối chiếu chuyển khoản ngày 29/06/2022 đến ngày 19/07/2023, K chuyển cho N số tiền 2.751.500.000đ. Sau đó, N dùng chính số tiền này chuyển trả lại cho K từ ngày 28/07/2022 đến ngày 27/07/2023 là 1.980.610.000đ. Đến nay, N không thanh toán, chiếm đoạt của anh K với số tiền là 770.890.000đ. Tuy nhiên, theo anh K cho rằng N chiếm đoạt ở khoản tiền này là 750.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

4.4 Trường hợp chị Võ Thị Tuyết T.

Trong năm 2023, N đặt vấn đề với T về việc huy động tiền, góp vốn làm ăn, thanh toán tiền hàng trong Công ty chuyển phát nhanh Z và được chia lợi nhuận. Tin vào lời N, chị T đồng ý tham gia. Sau đó đã nhiều lần giao nhận tiền với N. T sử dụng số tài khoản 1022399398, N sử dụng số tài khoản số 0811000019273. Qua đối chiếu, trong thời gian từ ngày 22/07/2023 đến ngày 26/07/2023, T chuyển cho N số tiền 951.000.000đ, N chuyển trả cho T số tiền 127.380.000đ, chiếm đoạt số tiền 823.620.000đ. Tuy nhiên, theo chị T cho rằng N chiếm đoạt trong khoản tiền này là 172.000.000đ và yêu cầu bồi thường số tiền trên.

Xác định: Tổng số tiền N chiếm đoạt của 03 bị hại tham gia góp vốn vào Công ty chuyển phát nhanh Z là 7.963.780.000đ (Bảy tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà N đã chiếm đoạt của nhiều bị hại thông qua các thủ đoạn gian dối khác nhau là 24.171.831.565đ (Hai mươi tư tỷ một trăm bảy mươi một triệu tám trăm ba mươi một ngàn năm trăm sáu mươi lăm đồng).

Quá trình điều tra, xác định Hồ Thị Thùy N sử dụng 02 tài khoản Ngân hàng để giao dịch số 0811000019273 tại ngân hàng N (A) - Chi nhánh Ninh Thuận và số 058191005512 tại ngân hàng TMCP T (V1) - Chi nhánh Ninh Thuận. Hiện trong tài khoản số 0811000019273 còn lại số tiền là 336.949đ, tài khoản số 058191005512 là 31.000đ.

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được N dùng để tiêu xài cá nhân và trả nợ cho người khác không xác định được từng khoản tiền và cho những ai họ, tên cụ thể.

- Về tạm giữ và xử lý vật chứng: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại yêu cầu Hồ Thị Thùy N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền chiếm đoạt gồm: Hoàng Thị Lệ N2: 13.500.000.000đ (gồm 04 khoản), Nguyễn Thị Ngọc H 4.000.000.000đ (gồm 03 khoản), Trần Thị Thanh T1: 1.200.000.000đ, Đỗ Thị Ngọc L: 1.400.000.000đ (gồm 03 khoản), Trần Lê Việt K: 750.000.000đ, Võ Thị Tuyết T: 302.000.000đ (gồm 02 khoản), Đoàn Đức Anh K1: 100.000.000đ.

Hồ Thị Thùy N đồng ý bồi thường cho các bị hại.

Quá trình N chiếm đoạt tiền của các bị hại thì anh Phạm Quang T3 (chồng bị can N) là người tham gia ký một số hợp đồng góp vốn, giấy mượn tiền, thỏa thuận trả nợ, nhưng anh Tuấn không biết rõ việc N lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, Kiều Xuân T2 có đơn tố cáo Hồ Thị Thùy N và Phạm Quang T3 có hành vi lừa đảo số tiền 247.200.000đ. Xét thấy Tuấn là người trực tiếp vay mượn tiền của Tuyên rồi đưa cho N, N không có hành vi gian dối đối với Tuyên để được nhận tiền. Do đó, N không lừa đảo mà đây là quan hệ giao dịch dân sự.

Đối với Đoàn Đức Anh K1 khai báo N có hành vi chiếm đoạt tiền trong một số lần đầu tư vào Trung tâm X, Công ty Z; Võ Thị Tuyết T khai báo N có hành vi chiếm đoạt tiền trước tháng 07/2023 thông qua vay mượn đáo hạn Ngân hàng. Trước khi bị tố cáo N và các bị hại không xác định rõ số tiền giao dịch và đã thỏa thuận trả nợ đầy đủ. Do đó, xem đây là những giao dịch dân sự. Riêng số tiền 35.000.000đ là Anh K1 cho N mượn, N không có hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền trên.

* Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKS-P2 ngày 24/06/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận (Nay là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa) đã truy tố bị cáo Hồ Thị Thùy N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự (BLHS).

- Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Thị Thùy N thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống nội dung của Cáo trạng;

Các bị hại xác định nội dung vụ án giống như cáo trạng đã nêu, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại: Hoàng Thị Lệ N2: 13.500.000.000đ; Nguyễn Thị Ngọc H: 4.000.000.000đ, Trần Thị Thanh T1: 1.200.000.000đ, Đỗ Thị Ngọc L: 1.400.000.000đ, Trần Lê Việt K: 750.000.000đ; Võ Thị Tuyết T: 300.000.000đ; Đoàn Đức Anh K1: 100.000.000đ. Đề nghị xử lý bị cáo theo quy định pháp luật, không xin giảm nhẹ hình phạt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:*

Bị cáo có ý thức chiếm đoạt từ trước, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS.

Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa) đối với bị cáo Hồ Thị Thùy N là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Hồ Thị Thùy N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Thùy N từ 17 – 19 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 BLHS, Điều 589 Bộ luật dân sự tuyên buộc bị cáo Hồ Thị Thùy N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền chiếm đoạt của các bị hại gồm: Hoàng Thị Lệ N2: 13.500.000.000đ; Nguyễn Thị Ngọc H: 4.000.000.000đ, Trần Thị Thanh T1: 1.200.000.000đ, Đỗ Thị Ngọc L: 1.400.000.000đ, Trần Lê Việt K: 750.000.000đ; Võ Thị Tuyết T: 302.000.000đ; Đoàn Đức Anh K1: 100.000.000đ.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Hồ Thị Thùy N trình bày ý kiến:

Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát về truy tố đối với bị cáo Hồ Thị Thùy N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS.

Bị cáo lần đầu phạm tội, nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế, khoản đầu tư sai lầm của bị cáo khi thị trường bất động sản đóng băng và do chính áp lực cuộc sống. Bị cáo có nhân thân tốt, có con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo, để bị cáo an tâm cải tạo.

- Các bị hại tranh luận: Đề nghị xem xét thái độ của bị cáo trong việc khắc phục thiệt hại.

- Bị cáo nói lời sau cùng: mong Tòa xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, vắng mặt: Bị hại Trần Thị Thanh T1, những người làm chứng: Lê Thị H2, Phạm Duy S, Nguyễn Thị Minh C2 dù đã được triệu tập hợp lệ. Bị hại Trần Thị Thanh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Xét thấy: Sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hồ Thị Thùy N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo được đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy là phù hợp, có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ lòng tham và lợi dụng lòng tin của người khác, bằng nhiều thủ đoạn gian dối khác nhau, Hồ Thị Thùy N chiếm đoạt của 07 bị hại với tổng số tiền 24.171.831.565 đồng. Trong đó: huy động vốn vào Trung tâm dạy lái xe X và các dự án của Trung tâm dạy lái xe: 6.511.405.000 đồng; Cho vay đáo hạn Ngân hàng: 5.579.341.981 đồng; Đầu tư vào các dự án làm đường, kinh doanh vật liệu xây dựng: 4.117.304.584 đồng; Huy động góp vốn vào Công ty chuyển phát nhanh Z: 7.963.789.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được N sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Hành vi trên của bị cáo Hồ Thị Thùy N là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương và gây bức xúc trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đối với bị cáo Hồ Thị Thùy N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung là “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 174

Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Hồ Thị Thùy N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền bị cáo Hồ Thị Thùy N chiếm đoạt của các bị hại, tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gồm có: bà Hoàng Thị Lệ N2: 13.500.000.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc H: 4.000.000.000 đồng, Trần Thị Thanh T1: 1.200.000.000 đồng, Đỗ Thị Ngọc L: 1.400.000.000 đồng, Trần Lê Việt K: 750.000.000 đồng; Võ Thị Tuyết T: 300.000.000 đồng; Đoàn Đức Anh K1: 100.000.000 đồng.

Đây là thiệt hại do chính hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nên buộc bị cáo N có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra không thu giữ gì nên không xem xét giải quyết.

[8] Các vấn đề khác:

[8.1] Đối với anh Phạm Quang T3 (chồng bị cáo N): Quá trình N chiếm đoạt tiền của các bị hại thì anh Phạm Quang T3 là người tham gia ký một số hợp đồng góp vốn, giấy mượn tiền, thỏa thuận trả nợ nhưng anh Tuấn không biết rõ việc N lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[8.2] Đối với anh Kiều Xuân T2: Có đơn tố cáo Hồ Thị Thùy N và Phạm Quang T3 có hành vi lừa đảo số tiền 247.200.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy anh Tuấn là người trực tiếp là người vay mượn tiền của Tuyên rồi đưa cho N, N không có hành vi gian dối đối với Tuyên để được nhận tiền. Do đó, N không lừa đảo đối với anh Tuyên mà đây là quan hệ giao dịch dân sự. Nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này của anh Kiều Xuân T2. Anh Tuyên có quyền khởi kiện dân sự theo quy định của pháp luật.

[8.3] Đối với Đoàn Đức Anh K1 khai báo: N có hành vi chiếm đoạt tiền trong một số lần đầu tư vào Trung tâm X, Công ty Z; Võ Thị Tuyết T khai báo N có hành vi chiếm đoạt tiền trước tháng 07/2023 thông qua vay mượn đáo hạn Ngân hàng. Trước khi bị tố cáo, N và các bị hại không xác định rõ số tiền giao dịch và đã thỏa thuận trả nợ đầy đủ. Do đó xem đây là những quan hệ giao dịch về mặt dân sự. Riêng số tiền 35.000.000 đồng là Anh K1 cho N mượn, N không có hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền trên.

[9] Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo: Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại (44.000.000 đồng + 0,1% phần vượt quá 2.000.000.000 đồng), theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Tuyên bố*: Bị cáo Hồ Thị Thùy N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* *Áp dụng*: Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

* *Xử phạt*: Bị cáo Hồ Thị Thùy N **18 (Mười tám) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 29/5/2024.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Hồ Thị Thùy N có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho: Hoàng Thị Lệ N2: 13.500.000.000 đồng (*Mười ba tỷ năm trăm triệu đồng*), Nguyễn Thị Ngọc H: 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng*), Trần Thị Thanh T1: 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), Đỗ Thị Ngọc L: 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*), Trần Lê Việt K: 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*), Võ Thị Tuyết T: 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), Đoàn Đức Anh K1: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Tổng cộng: 21.250.000.000 đồng (*Hai mươi một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

* *Về án phí:* Bị cáo Hồ Thị Thùy N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 63.250.000 đồng (Sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08 tháng 8 năm 2025). Đối với bị hại (Trần Thị Thanh T1) vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa (PC10);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Khánh Hòa (PV06);
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ; Người bào chữa;
- Phòng TT-KT-THA; Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Bách